
ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ MỘT SỐ HÀM Ý

Nguyễn Thị Lệ Thúy*

Khoa Khoa học quản lý, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: thuykhoahocquanly@neu.edu.vn

Triệu Văn Chúc

Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc

Email: chucsct@gmail.com

Mã bài: JED-2390

Ngày nhận: 31/03/2025

Ngày nhận bản sửa: 13/05/2025

Ngày duyệt đăng: 26/05/2025

DOI: 10.33301/JED.VI.2390

Tóm tắt:

Nghiên cứu phát triển khung tiêu chí đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, áp dụng đánh giá chính sách này tại vùng Đồng bằng sông Hồng. Nghiên cứu kết hợp phương pháp nghiên cứu tại bàn, khảo sát chuyên gia, người dân thụ hưởng kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn. Từ kết quả đánh giá, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn: điều tra người dân khi thiết kế chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn; tăng cường xã hội hóa vốn đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại qua hợp tác công tư, huy động khu vực tư nhân; ưu tiên quy hoạch đất xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, kết cấu hạ tầng xuất nhập khẩu; kết cấu hạ tầng xúc tiến thương mại; ban hành văn bản pháp lý về đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại.

Từ khóa: Chính sách, kết cấu hạ tầng, kết cấu hạ tầng thương mại, nông thôn.

Mã JEL: F13, G18, O24.

Evaluation of rural trade infrastructure development policies in the Red River Delta and some implications

Abstract:

This research develops a framework of evaluation criteria for rural trade infrastructure development policy and applies it to assess the policy in the Red River Delta. The study combines desk review, expert surveys, and surveys of local beneficiaries of rural trade infrastructure. Based on the evaluation results of the policy, the study proposes several policy implications for rural trade infrastructure development such as conducting surveys of local residents to inform policy formulation; enhancing the socialization of rural trade infrastructure investment through public-private partnerships and private sector mobilization; prioritizing land use planning for wholesale trade infrastructure, import-export infrastructure, and trade promotion infrastructure; and issuing legal documents on the evaluation of policies for the development of rural trade infrastructure.

Keywords: Infrastructure, rural, policy, trade infrastructure.

JEL Codes: F13, G18, O24.

1. Giới thiệu

Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại (KCHTTM) là kết cấu hạ tầng (KCHT) đóng vai trò quan trọng với phát triển thương mại nông thôn. Chiến lược phát triển thương mại Việt Nam đã khẳng định phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn là định hướng chiến lược, góp phần phát triển thương mại, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là trung tâm Bắc Bộ, dân số đông nhất, mật độ cao nhất Việt Nam, 1.102 người/km² (Tổng cục Thống kê, 2022). Dân số nông thôn chiếm 62,36% tổng dân số của Vùng. Quy mô dân số nông thôn lớn dẫn đến nhu cầu cao về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, và là một vấn đề chính sách cần quan tâm.

Theo Lê Huy Khôi (2022), thời gian qua, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là khuyến khích phát triển thương mại nông thôn đã phát huy hiệu quả, góp phần tạo dựng kết cấu hạ tầng thương mại khu vực này, tuy nhiên chưa đáp ứng được nhu cầu về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn (Vũ Huy Hùng, 2022; Bộ Công Thương, 2020). Liệu chính sách đã đạt mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, đã tạo được tác động tích cực đến phát triển thương mại, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn? Trả lời câu hỏi này sẽ qua những nghiên cứu sâu về đánh giá chính sách.

Theo cách tiếp cận đánh giá quản lý nhà nước và đánh giá chính sách, đã có những nghiên cứu như ADB (2003), Vũ Cao Đàm (2011), Đoàn Thị Thu Hà (2019) tập trung vào một số hoặc các tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả, phù hợp, bền vững. Ở phạm vi đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, đã có một số nghiên cứu cụ thể. Chương trình phát triển Nông nghiệp toàn diện Châu Phi (CAADP) đánh giá ảnh hưởng của kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn đến năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường địa phương và thị trường vùng, giảm chi phí thương mại, góp phần phát triển chuỗi giá trị và dịch vụ tài chính (CAADP, 2009). Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) đề cập đến hiệu lực chính sách với khía cạnh tăng cường thương mại hóa, đa dạng hóa sản phẩm, tạo thu nhập và vấn đề giới, giảm nghèo (IFAD, 2021). Osei-Hwedie & Kurantin (2017) quan tâm đến số lượng, mạng lưới, chất lượng kết cấu hạ tầng nhằm đạt tăng trưởng các ngành và nền kinh tế tổng thể. Kaur & Kaur (2022) nghiên cứu về chợ nông sản, đề cập đến chất lượng kết cấu hạ tầng thương mại so với mong muốn của người dân nông thôn.

Những nghiên cứu trên tập trung vào ảnh hưởng chính sách kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, tuy vậy việc đo lường qua các chỉ số cụ thể này còn thiếu vắng. Hơn thế, các nghiên cứu chưa đánh giá kết quả chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại so với các mục tiêu, mong muốn (hiệu lực chính sách); chi phí, lãng phí trong xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại (hiệu quả); tính phù hợp cũng như tác động bền vững của chính sách. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ (i) làm rõ khung tiêu chí đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại và các chỉ số đo lường; (ii) đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2017-2022; (iii) đề xuất một số hàm ý.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn

Kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn

Trần Việt Thảo (2015, 22) trao đổi về mục đích, phạm vi của kết cấu hạ tầng thương mại và cho rằng “kết cấu hạ tầng thương mại là tổng thể cấu trúc mạng lưới thương mại tạo nền tảng và hỗ trợ cho các hoạt động thương mại và các dịch vụ thương mại được diễn ra”. Theo Ikelegbe (2013), kết cấu hạ tầng thương mại hỗ trợ cho việc tiếp thị, bán sản phẩm nông nghiệp, thương mại hóa sản phẩm, giảm chi phí thương mại, cung cấp việc làm cho phần lớn người dân nông thôn. Kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn là các công trình vật chất kỹ thuật đặc trưng cho hoạt động thương mại tại khu vực này, giúp người dân nông thôn thương mại hóa sản phẩm và tiếp cận với sản phẩm, dịch vụ từ các khu vực khác, góp phần phát triển thương mại nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn gồm: kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ; kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn; kết cấu hạ tầng thương mại xuất, nhập khẩu; kết cấu hạ tầng thương mại phục vụ xúc tiến thương mại.

Cách tiếp cận và nội dung chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn

Theo quan điểm về can thiệp của nhà nước, Remy (2000) đề cập tới việc can thiệp hay không can thiệp vào xã hội vì mục tiêu nhất định là bằng chứng của chính sách công, trong khi Nguyễn Thị Ngọc Huyền

(2019, 25) nghiên cứu nội dung chính sách can thiệp. Vì vậy, kế thừa hai tác giả trên, có thể định nghĩa: chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn là tổng thể các quan điểm, giải pháp và công cụ mà Nhà nước can thiệp lên các chủ thể kinh tế - xã hội trong giải quyết vấn đề và nhằm phát triển về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn.

Vận dụng quản lý theo định hướng kết quả (Hatton & Schroeder, 2007) trong xác định mục tiêu, mục tiêu chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn gồm:

Mục tiêu đầu ra: phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn về số lượng, mạng lưới, chất lượng;

Mục tiêu chung: góp phần phát triển giá trị thương mại nông thôn; giảm chi phí thương mại; Mục đích: phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

Dựa vào lý luận về hệ thống chính sách (Vũ Cao Đàm, 2011), lý thuyết về chức năng của nhà nước trong cung cấp hàng hóa công (Ngân hàng thế giới, 1999), lý thuyết về các bên liên quan (Freeman, 1984), chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn theo chu trình đầu tư phát triển gồm: chính sách loại hình kết cấu hạ tầng; chính sách vốn; chính sách đất đai; chính sách về quản lý kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn. Chính sách loại hình là quy định về các loại hình, tiêu chuẩn của mỗi loại kết cấu hạ tầng thương mại; chính sách vốn là các sáng kiến về vốn cho phát triển kết cấu hạ tầng thương mại: vốn ngân sách, vốn khu vực tư nhân, vốn xã hội hóa, vốn đầu tư nước ngoài, vốn ODA; chính sách đất đai là quy định về quy hoạch, bố trí đất, ưu đãi tiếp cận đất; chính sách về quản lý là các mô hình quản lý kết cấu hạ tầng thương mại, quy định thuế, phí, lệ phí, quản lý chất lượng công trình trong vận hành, và bảo vệ môi trường.

2.2. Tiêu chí đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn

Đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn dựa vào tiêu chí chung đánh giá chính sách công: hiệu lực, hiệu quả, phù hợp, bền vững, đã được ADB (2003), Vũ Cao Đàm (2011), Đoàn Thị Thu Hà (2019) xây dựng. Nghiên cứu này bổ sung tiêu chí cụ thể, chỉ số đo lường tiêu chí.

Tính hiệu lực

Theo ADB (2003, 717), “hiệu lực là mức độ đạt được mục đích cuối cùng mà hoạt động hướng đến”. Hiệu lực chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn là mối quan hệ giữa kết quả và mục tiêu phát triển thông qua các chỉ số chủ yếu: hiện trạng kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn/mục tiêu, đo lường qua số lượng, chất lượng, mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại; xã đạt tiêu chí về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn; hiện trạng thương mại nông thôn/mục tiêu, đo lường qua tổng mức bán lẻ hàng hóa nông thôn; phát triển kinh tế - xã hội nông thôn/mục tiêu, đo lường qua tỷ lệ hộ nghèo; xã về đích nông thôn mới.

Tính hiệu quả

Theo ADB (2003, 717), “hiệu quả đề cập đến mức sản xuất với chi phí đơn vị thấp nhất..., hiệu quả có nội hàm giống tính kinh tế, có nghĩa là mua sắm được loại hàng hóa và dịch vụ có chất lượng với mức giá thấp nhất và kịp thời”. Theo Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2019, 203), “hiệu quả là các kết quả của chính sách được tạo ra với chi phí như thế nào”. Vì thế, hiệu quả nghĩa là: (i) với một kết quả nhất định, càng tiết kiệm chi phí càng tốt, hoặc (ii) với một chi phí nhất định, đạt được kết quả càng cao càng tốt. Hiệu quả chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn được hiểu rằng, với khoản chi phí đã đầu tư, kết cấu hạ tầng thương mại sẵn có càng đáp ứng nhu cầu người dân càng tốt. Công trình được xây dựng nhưng không đáp ứng mong muốn, không được sử dụng/không sử dụng hết công suất là một chỉ số quan trọng đo lường hiệu quả.

Tính phù hợp

Theo Đoàn Thị Thu Hà (2019, 203), đánh giá tính phù hợp là làm rõ các tác động chính sách góp phần thực hiện các mục tiêu bậc cao hơn của chính sách không. Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn là phù hợp khi các kết quả chính sách giúp cải thiện kết cấu hạ tầng thương mại so với nhu cầu của người dân. Sự phù hợp chính sách được đánh giá ở khía cạnh đáp ứng nhu cầu/sự hài lòng của người dân về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn với các chỉ số: tiếp cận kết cấu hạ tầng thương mại; chất lượng vật lý, kỹ thuật của kết cấu hạ tầng thương mại; chức năng kết cấu hạ tầng thương mại (Kaur & Kaur, 2022; Lee, 2022).

Tính bền vững

Đoàn Thị Thu Hà (2019, 2023) cho rằng “chính sách đem lại tác động tích cực dài hạn” thể hiện tính bền vững của chính sách. Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn đạt được tính bền vững nếu chính sách mang lại những tác động tích cực, dài hạn lên mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, giá trị thương mại hàng hóa ở nông thôn, kinh tế - xã hội nông thôn. Việc đánh giá tính bền vững được thông qua các bằng chứng về tác động tích cực liên tục của chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nguồn dữ liệu thứ cấp từ báo cáo kết cấu hạ tầng thương mại của Bộ Công Thương 2017-2022, niên giám thống kê Việt Nam năm 2022 (về chợ, dân số, tổng mức bán lẻ, tỷ lệ nghèo), kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2016, 2020 của Tổng cục Thống kê (về chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi); báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của 11 tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

Dữ liệu thứ cấp từ phỏng vấn 15 cán bộ quản lý nhà nước từ Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Phương pháp chọn chuyên gia là lấy mẫu phi xác suất. Phương pháp phỏng vấn là gặp trực tiếp, hỏi ý kiến độc lập về hiệu lực, hiệu quả, phù hợp, bền vững của chính sách.

Dữ liệu thứ cấp khác từ điều tra người dân 11 tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng, theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện: chọn 1 xã/tỉnh; 60 - 70 người dân có độ tuổi từ 18/xã. Phiếu điều tra gửi qua Ủy ban nhân dân xã. Tổng mẫu là 500 người dân. Phiếu trả lời đủ thông tin là 442 phiếu. Dân số khảo sát/dân số vùng Đồng bằng sông Hồng là 3,05%, dân số khảo sát/lực lượng lao động từ 15 tuổi là 3,86%. Tỷ lệ mẫu này tương ứng với tỷ lệ mẫu các cuộc điều tra dân số định kỳ của TCTK. Nội dung điều tra về tiếp cận, chất lượng, chức năng, hài lòng về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn.

Đánh giá chính sách qua so sánh số liệu theo thời gian, so sánh Đồng bằng sông Hồng với cả nước, so sánh giữa các tỉnh Đồng bằng sông Hồng; phân tích ý kiến chuyên gia; phân tích điểm số trung bình ý kiến dân cư. Ngoài ra, nghiên cứu kết hợp với phân tích tình huống về khai thác chợ nông thôn tại một số tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tính hiệu lực

Kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn

Tại vùng Đồng bằng sông Hồng, kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ chủ yếu là chợ truyền thống, có biến động nhưng về cơ bản vẫn giữ ở mức ổn định gần 1.900 chợ giai đoạn 2017-2022. Tỷ lệ chợ bán kiên cố của Vùng năm 2022 là 48,4 %, cao hơn so với cả nước, 38,9%. Theo Tổng cục Thống kê (2020, 2016), tỉ lệ xã có chợ năm 2020 của cả nước là 64,44 %, vùng Đồng bằng sông Hồng là 75,52%. Các cán bộ quản lý nhà nước được phỏng vấn đã nhấn mạnh rằng tỉ lệ chợ vùng Đồng bằng sông Hồng đã đạt mục tiêu số lượng, tuy nhiên chưa đạt mục tiêu chất lượng và mạng lưới. Mạng lưới chợ nông thôn thiếu hợp lý, chưa theo kịp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nông thôn (Vũ Huy Hùng, 2022). Ngoài chợ truyền thống, theo Bộ Công Thương (2022), Đồng bằng sông Hồng có 328 siêu thị mini, 2.646 cửa hàng tiện lợi, 27 trung tâm thương

Bảng 1: Chợ nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số chợ nông thôn vùng ĐBSH	Chợ	1.415	1.418	1.367	1.495	1.481	564
Chợ ĐBSH so với cả nước	%	22,1	22,1	23,6	21,9	23,6	27,6
Tỉ lệ chợ bán kiên cố của cả nước	%	42,9	38,7	39,8	38,3	38,7	38,9
Tỉ lệ chợ bán kiên cố của ĐBSH	%	39,7	50,9	51,5	48,1	48,2	48,4

Nguồn: Bộ Công Thương (2022).

mại. Tuy nhiên, tỉ lệ xã có trung tâm thương mại hoặc siêu thị/tổng số xã rất thấp, 4,92%, tỉ lệ xã có cửa hàng tiện lợi khá khiêm tốn, 11,65 %.

Loại hình thứ hai là kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, chủ yếu là chợ đầu mối. Theo Bộ Công Thương (2022), chợ đầu mối rất khiêm tốn, tính đến năm 2022, vùng Đồng bằng sông Hồng chỉ có 13 chợ. Trao đổi chuyên sâu với cán bộ quản lý nhà nước cho thấy chợ đầu mối đóng vai trò kết nối, tiêu thụ hàng hóa giữa nông thôn và thành thị, tuy nhiên tập trung ở thành thị, hoặc khu vực tiếp giáp nông thôn và thành thị; loại hình chủ yếu là chợ nông sản tổng hợp, chợ chuyên doanh ở nông thôn rất ít; diện tích chợ quá nhỏ, thiếu hoặc hạn chế về hệ thống kho, bãi đỗ xe, đường giao thông, chưa thuận tiện cho giao thương hàng hóa. Hơn nữa, kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn khác như sở giao dịch hàng hóa, trung tâm phân phối, tổng kho gần như vắng bóng tại nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng.

Kết cấu hạ tầng xuất-nhập khẩu như kho bến bãi thương mại, trung tâm logistics, sàn giao dịch hàng hóa và kết cấu hạ tầng thương mại đa chức năng khác có vai trò kết nối tiêu thụ hàng hóa từ nông thôn. Tính đến 2022, Đồng bằng sông Hồng có 34 kho bến bãi thương mại, 5 trung tâm logistics, 1 sàn giao dịch hàng hóa. Thông tin từ các cuộc trao đổi với cán bộ quản lý nhà nước cho thấy, kết cấu hạ tầng xuất-nhập khẩu ít phân bố ở nông thôn, thiếu về số lượng, chưa đáp ứng yêu cầu lưu trữ, phân phối hàng hóa nông sản phẩm đến người tiêu dùng, đặc biệt là xuất khẩu. Kho bến bãi thương mại, trung tâm logistics có cơ sở vật chất thiết yếu, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cho lưu kho bãi, xếp dỡ hàng, gom hàng, chia nhỏ hàng và lưu giữ hàng hóa.

Kết cấu hạ tầng xúc tiến thương mại đã bắt đầu được quan tâm nhằm hỗ trợ người dân tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội mua bán hàng hóa. Năm 2022, vùng Đồng bằng sông Hồng có 11 cửa hàng giới thiệu, trưng bày sản phẩm, nhưng chưa có trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm thông tin thương mại cấp vùng, cấp tỉnh. Ý kiến của các cán bộ quản lý nhà nước được phỏng vấn phản ánh rằng các cửa hàng giới thiệu và trưng bày

Bảng 2: Số xã, huyện đạt tiêu chí về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn/ mục tiêu tại Đồng bằng sông Hồng

ĐVT: xã đạt tiêu chí/số xã của tỉnh

Tỉnh	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Hà Nội	351/386	369/386	369/386	346/364	383/383	382/383
Hải Phòng	80/139	89/139	139/139	141/141	141/141	141/141
Vĩnh Phúc	107/112	108/112	112/112	105/105	105/105	105/105
Bắc Ninh	97/97	97/97	97/97	97/97	89/89	89/89
Hải Dương	213/227	213/227	214/227	178/178	178/178	178/178
Hưng Yên	133/161	139/145	139/145	145/145	145/145	145/145
Hà Nam	96/98	98/98	98/98	83/83	83/83	83/83
Nam Định	215/215	215/215	209/209	188/188	188/188	188/188
Thái Bình	205/241	215/241	241/241	241/241	241/241	241/241
Ninh Bình	80/119	85/119	90/119	100/119	119/119	119/119
Quảng Ninh	80/111	84/101	107/107	96/98	98/98	98/98

Nguồn: Ban Chỉ đạo trung ương các chương trình mục tiêu Quốc gia (2020).

sản phẩm, trung tâm hội chợ triển lãm chưa nhiều, chủ yếu là các gian hàng, trưng bày, giới thiệu tạm thời, được tổ chức theo hình thức hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại địa phương.

Số xã đạt tiêu chí về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn

Mục tiêu về kết cấu hạ tầng thương mại giai đoạn 2016 – 2020 vùng Đồng bằng sông Hồng: đến năm 2020, có 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn (Thủ tướng Chính phủ, 2016). Mục tiêu giai đoạn 2021-2025: đến năm 2025, 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 (Thủ tướng Chính phủ, 2021).

Số liệu bảng 2 cho thấy, tính đến hết năm 2022, 11/11 tỉnh, thành phố Đồng bằng sông Hồng hoàn thành mục tiêu 100% xã đạt chuẩn tiêu chí số 7. Như vậy, ở khía cạnh đạt tiêu chí về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, hiệu lực chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại đã đạt được ngay từ năm 2022, về thời

gian là sớm hơn ba năm so với mục tiêu đề ra.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Nghiên cứu sử dụng tổng mức bán lẻ của Đồng bằng sông Hồng vì thiếu thống kê về tổng mức bán lẻ hàng hóa nông thôn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa Đồng bằng sông Hồng năm 2018 và 2019 tăng hơn 10%/năm, nhưng giảm xuống 4,7 % vào năm 2020; 1,2 % vào năm 2021. Trong năm 2022, chỉ số này phục hồi nhanh, đạt 18,8%. Giai đoạn 2017-2022, Đồng bằng sông Hồng đạt tốc độ tăng tổng mức bán lẻ lớn hơn so với cả nước, tuy nhiên vẫn chưa đạt mục tiêu 16% giai đoạn 2016-2020 và 14,5% giai đoạn 2021-2030. Hiệu lực chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại chưa đạt được ở khía cạnh góp phần cải thiện giá trị thương mại hàng hóa tại Đồng bằng sông Hồng.

Bảng 3: Tổng mức bán lẻ hàng hóa Đồng bằng sông Hồng so với cả nước

ĐVT: 1.000 tỷ VND						
Tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Cả nước	3.956,6	4.393,5	4.892,1	4.847,6	4.657,1	5.363,2
Tốc độ tăng (%)		11,0	11,3	-0,9	-3,9	15,2
Đồng bằng sông Hồng	876,4	966,4	1.082,4	1.133,4	1.147,2	1.362,8
Tốc độ tăng (%)	-	10,3	12,0	4,7	1,2	18,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022).

Tỷ lệ nghèo

Tỷ lệ nghèo đa chiều Đồng bằng sông Hồng giảm đáng kể, năm 2017 là 2,6%, năm 2022 giảm xuống 0,9%, và cải thiện hơn so với mặt bằng cả nước, tỉ lệ nghèo đa chiều của Vùng chỉ bằng ¼ so với cả nước trong năm 2022. So với mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 là 1% -1,5% hộ nghèo đa chiều, Đồng bằng sông Hồng thấp hơn so với mục tiêu. Nhìn nhận theo chỉ số nghèo đa chiều cho thấy chính sách này đã góp phần giảm nghèo.

Bảng 4: Tỷ lệ nghèo đa chiều

ĐVT: %						
Tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Đồng bằng sông Hồng	2,6	1,9	1,6	1,4	1,2	0,9
Cả nước	-	6,8	5,7	4,8	4,4	3,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022).

4.2. Tính hiệu quả

Hiệu quả được đánh giá qua tình trạng lãng phí trong xây dựng chợ nông thôn – kết cấu hạ tầng thương mại chủ yếu. Xây dựng chợ nông thôn là một hạng mục của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới với số vốn không hề nhỏ. Tuy nhiên, một số chợ xây dựng xong không phát huy được hiệu quả, thậm chí bị bỏ hoang, gây lãng phí, để lại bức xúc trong dân (Trung Anh, 2023). Tình trạng này phổ biến ở hầu hết các tỉnh Đồng bằng sông Hồng qua nghiên cứu tình huống tại một số địa phương.

Ở Hà Nội, chợ Tây Mỗ (quận Nam Từ Liêm) được đầu tư xây dựng với tổng kinh phí hơn 22 tỷ đồng. Hiện tại, chợ Tây Mỗ đang bị bỏ hoang nhiều năm, trở thành nơi tụ tập hút chích của các con nghiện (Nguyễn Chương, 2023).

Tại Vĩnh Phúc, chợ Ngọc Thanh, xã Ngọc Thanh được khởi công xây dựng từ năm 2005 với kinh phí hàng tỷ đồng nhưng nhiều năm hoạt động không hiệu quả; Chợ Nhạo Sơn (huyện Sông Lô) khởi công xây dựng đầu năm 2004, với diện tích 720 m², tổng vốn đầu tư 1,2 tỷ đồng, năm 2006 chợ Nhạo Sơn hoàn thành với 32 ki ốt và nhà trung tâm. Nhiều năm qua, chợ này hầu như không hoạt động; Chợ Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên đang trở thành nơi để hoang (Nguyễn Trọng Lịch, 2022).

Ở Hải Phòng, chợ nông thôn mới xã Thanh Sơn rộng 1.500 m², có mái che bằng tôn, có khu vệ sinh, nhà bảo vệ, nhà để xe và 20 quầy bán thịt tươi sống với đầy đủ tiện nghi như điện, nước, ngăn đựng đồ. Tuy

nhiên, chợ mới này tuyệt nhiên không thấy người mua bán. Cách chợ nông thôn mới Thanh Sơn bỏ hoang khoảng 100m, tại đường 402 đoạn ngã tư giao giữa thôn Xuân La và thôn Cẩm La là cảnh người dân tràn ra lòng đường họp chợ, bày bán đủ loại hàng hoá lấn chiếm lòng đường, gây cản trở giao thông (Lê Dũng, 2022).

Tại Hải Dương, chợ Phú Lộc đã hoàn thành vào tháng 7 năm 2021 với số vốn đầu tư từ ngân sách lên tới 14 tỉ đồng. Nhưng người dân địa phương không vào chợ này để kinh doanh, mà buôn bán ở khu chợ cũ nhếch nhác, thậm chí tràn ra cả lòng đường, bất chấp biển cấm (Trung Anh, 2023).

Tình trạng lãng phí trên phản ánh khá rõ tính phi hiệu quả của chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn hiện hành.

4.3. Tính phù hợp

Đánh giá tính phù hợp của chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại qua kết quả điều tra người dân sử dụng kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn theo khía cạnh tiếp cận, chất lượng, chức năng và hài lòng chung về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn tại địa phương mà họ sinh sống. Mẫu điều tra gồm 442 người dân, 71,9% ngành nghề nông nghiệp, 10% ngành nghề phi nông nghiệp và 18,1% làm cả hai ngành nghề; 18,1% trình độ tiểu học, 24,4% trình độ trung học cơ sở, 43,4 % trình độ trung học phổ thông và 73,3% trình độ trung cấp, cao đẳng trở lên.

Bảng 5: Khảo sát người dân về kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn tại địa phương

TT	Tiêu chí	Điểm trung bình
Tiếp cận		
1.	Sự sẵn có về kết cấu hạ tầng thương mại	3,40
2.	Sự đa dạng về loại hình kết cấu hạ tầng thương mại	2,70
3.	Khoảng cách từ nhà mình đến kết cấu hạ tầng thương mại	3,37
4.	Sự thuận lợi giao thông khi di chuyển đến kết cấu hạ tầng thương mại	3,27
5.	Thời gian di chuyển đến kết cấu hạ tầng thương mại	3,31
6.	Chi phí để tiếp cận, sử dụng kết cấu hạ tầng thương mại	3,02
Chất lượng		
7.	Phân bố, vị trí kết cấu hạ tầng thương mại	3,02
8.	Quy mô, diện tích kết cấu hạ tầng thương mại	3,10
9.	Độ kiên cố của kết cấu hạ tầng thương mại	2,97
10.	Thiết kế, cấu trúc của kết cấu hạ tầng thương mại	2,91
11.	Bố trí điều kiện vật chất, phương tiện của kết cấu hạ tầng thương mại	2,99
12.	Điều kiện vệ sinh của kết cấu hạ tầng thương mại	2,88
13.	An toàn, an ninh của kết cấu hạ tầng thương mại	3,07
14.	Tiện ích của kết cấu hạ tầng thương mại	3,04
15.	Sự hiện đại của kết cấu hạ tầng thương mại	2,66
16.	Chất lượng so với chi phí sử dụng kết cấu hạ tầng thương mại	3,06
Chức năng		
17.	Chức năng của kết cấu hạ tầng thương mại đáp ứng với mục đích sử dụng KCHT	3,29
18.	Kết cấu hạ tầng thương mại đã làm tăng thu nhập của gia đình	3,14
19.	Kết cấu hạ tầng thương mại đã làm tăng thu nhập của người dân	3,13
20.	Kết cấu hạ tầng thương mại đã làm cải thiện môi trường sinh sống	3,15
21.	Kết cấu hạ tầng thương mại đã cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân	3,22
22.	Kết cấu hạ tầng thương mại đã cải thiện diện mạo của địa phương	3,15
Hài lòng chung		
23.	Mức độ hài lòng với hiện trạng kết cấu hạ tầng thương mại	3,13
24.	Mức hài lòng với KCHT so với điều kiện lý tưởng của người trả lời	2,87
25.	Mức độ hài lòng với kết cấu hạ tầng hiện tại so với 5 năm trước	2,86
26.	Mức độ hài lòng với kết cấu hạ tầng hiện tại so với các địa phương khác	2,89

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra.

Kết quả tại Bảng 5 cho thấy chất lượng kết cấu hạ tầng có mức hài lòng thấp nhất trong 3 nhóm tiêu chí. Trong đó, điều kiện về độ kiên cố; thiết kế, cấu trúc; điều kiện vật chất, phương tiện; điều kiện vệ sinh; hiện đại đang là các tiêu chí có điểm đánh giá thấp. Tiêu chí tiếp cận và chức năng kết cấu hạ tầng thương mại đạt mức trung bình, 3-3,4 điểm. Hài lòng về tính đa dạng kết cấu hạ tầng thấp nhất trong nhóm tiêu chí tiếp cận. Chi phí tiếp cận, sử dụng kết cấu hạ tầng thương mại cũng đạt mức điểm thấp. Các tiêu chí chức năng kết cấu hạ tầng thương mại ở mức 3-3,2 điểm cho thấy người dân chưa cảm nhận được vai trò của kết cấu hạ tầng thương mại. Điểm đánh giá chung phản ánh người dân kém hài lòng với kết cấu hạ tầng tại địa phương họ sinh sống so với các địa phương khác. Mặt khác, người dân cũng chưa hài lòng với hiện trạng hạ tầng so với 5 năm trước. Mức độ hài lòng với kết cấu hạ tầng so với điều kiện lý tưởng của người dân cũng chưa cao. Những đánh giá này cho thấy lẽ ra người dân phải được tiếp cận với kết cấu hạ tầng thương mại tốt hơn. Việc kém hài lòng còn thể hiện ở mức độ phàn nàn về tình trạng kết cấu hạ tầng và khả năng có thể kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại chưa tạo được những kết quả phù hợp với nhu cầu của dân cư, tính phù hợp của chính sách là vấn đề cần quan tâm.

4.4. Tính bền vững

Đánh giá tính bền vững trước hết qua kết quả phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại. Số chợ/100.000 dân ở Bảng 6 cho thấy trung bình 100.000 dân có khoảng 9-10 chợ. Con số này ít cải thiện trong khi loại hình khác ở nông thôn như cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại hay siêu thị, là loại hình có thể thay thế chợ, chưa phát triển. Hơn nữa, theo Tổng cục Thống kê (2020), tỷ lệ xã có chợ kiên cố và bán kiên cố năm 2020 tăng 7,6% so với năm 2016; tỉ lệ xã có chợ hàng ngày xây dựng kiên cố và bán kiên cố năm 2020 tăng 54,38% so với 2016. Điều này cho thấy chất lượng chợ tích cực hơn nhưng vẫn còn gần 46% chợ có vấn đề. Sự phát triển chậm của kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, kết cấu hạ tầng thương mại phục vụ xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại cho thấy đặc điểm thiếu bền vững của kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn Đồng bằng sông Hồng.

Bảng 6: Số chợ/100.000 dân khu vực nông thôn Đồng bằng sông Hồng

Tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số chợ	1.415	1.418	1.367	1.495	1.481	1.477
Dân số (nghìn người)	14.399,4	14.517,3	14.489,9	14.422,3	14.493,8	14.625,8
Số chợ/100.000 người	9,8	9,8	9,4	10,4	10,2	10,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê (2022) và Bộ Công Thương (2022).

Một khía cạnh khác, tổng mức bán lẻ hàng hóa Đồng bằng sông Hồng tại Bảng 3 cũng tăng với tốc độ chậm. Các quan điểm thu được từ phỏng vấn cán bộ quản lý nhà nước cho thấy sự bão hòa trong tổng mức bán lẻ hàng hóa của Vùng, phản ánh sự thiếu bền vững của tác động chính sách. Số liệu Bảng 4 cho thấy, giảm nghèo nông thôn là một thành quả chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại. Tuy nhiên, biểu hiện tốc độ giảm nghèo ngày càng thấp cho thấy những dấu hiệu giảm nghèo chưa bền vững. Mặt khác, kết quả phân tích các cuộc phỏng vấn với cán bộ quản lý nhà nước chưa khẳng định tính bền vững khi mà có khá nhiều chợ nông thôn bị bỏ hoang, lãng phí nguồn lực.

5. Kết luận và hàm ý

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại bao phủ 4 nhóm tiêu chí: hiệu lực, hiệu quả, phù hợp. Kết quả này khác với CAADP (2009), IFAD (2021), Osei-Hwedie & Kurantin (2017) khi chỉ tập trung tiêu chí hiệu lực; khác với Kaur & Kaur (2022) khi chỉ tập trung vào tiêu chí phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số vấn đề cần quan tâm:

Hiệu lực chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại thấp, thể hiện các kết quả khiêm tốn so với mục tiêu phát triển. Hiện trạng kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ so với mục tiêu số lượng, chất lượng, mạng lưới còn hạn chế. Trong đó, chất lượng và mạng lưới chợ truyền thống chưa đáp ứng nhu cầu; mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi thưa thớt. Kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, đặc biệt là chợ đầu mối rất hạn chế. Kết cấu hạ tầng xuất-nhập khẩu ít phân bố ở nông thôn. Kết cấu hạ tầng xúc tiến

thương mại thiếu hụt, chưa đáp ứng nhu cầu phân phối xuất khẩu. Hiệu lực cũng chưa đạt được ở khía cạnh góp phần cải thiện tổng mức bán lẻ hàng hóa tại Đồng bằng sông Hồng.

Hiệu quả chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại rất hạn chế thể hiện qua việc lãng phí trong xây dựng chợ nông thôn. Với chính sách nhằm mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, nhiều chợ đã hoàn thành nhưng được khai thác công suất rất thấp, thậm chí nhiều chợ bị bỏ hoang, lãng phí nguồn lực, điều này cho thấy những vấn đề đặt ra về chính sách phát triển.

Bên cạnh đó, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại cũng kém phù hợp. Có khoảng cách nhất định giữa kết cấu hạ tầng thương mại với nhu cầu thực tế của người dân, trước hết là ở khía cạnh phù hợp về chất lượng, sau đó là về tiếp cận và chức năng của kết cấu hạ tầng thương mại.

Vấn đề quan trọng khác là chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại chưa thể hiện được tác động bền vững. Mạng lưới bao phủ của chợ truyền thống ít cải thiện trong khi kết cấu hạ tầng thương mại khác ở nông thôn như cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối bán buôn, ít thay đổi theo thời gian. Hơn nữa, sự phát triển chậm kết cấu hạ tầng thương mại đa chức năng, phục vụ xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại thể hiện dấu hiệu tác động chưa bền vững. Tăng trưởng chậm lại của tổng mức bán lẻ hàng hóa, tốc độ giảm nghèo ở nông thôn cũng là dấu hiệu khác cho thấy thiếu tính ổn định lâu dài.

Hạn chế về hiệu lực, hiệu quả, phù hợp, bền vững của chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại được giải thích bằng một số nguyên nhân chủ yếu. Nội dung phỏng vấn với cán bộ quản lý nhà nước cho thấy một thực tế rằng thiết kế chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn thiếu khảo sát nhu cầu người dân, doanh nghiệp; chính sách chưa thể hiện rõ sáng kiến về loại hình kết cấu hạ tầng thương mại còn thiếu và cần quan tâm đầu tư. Mặt khác, dựa vào chia sẻ từ phỏng vấn cho thấy doanh nghiệp không thực sự mặn mà đầu tư vốn vào kết cấu hạ tầng thương mại vì tác động chính sách về thuế, tiền thuế, thủ tục hành chính tiếp cận đất chưa đủ tạo động lực. Bên cạnh đó, dữ kiện thu thập từ phỏng vấn cũng minh chứng rằng đánh giá chính sách một cách độc lập còn bị xem nhẹ, chưa được chú trọng nhằm phục vụ đổi mới chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn.

5.2. Hàm ý

Thứ nhất, thiết kế Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nên bắt đầu từ khảo sát nhu cầu của người dân, tránh việc quyết định chính sách về loại hình không phù hợp với thực tế địa phương. Đặc biệt là khảo sát dân cư về nhu cầu phát triển chợ truyền thống, trung tâm thương mại, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi; đồng thời khảo sát doanh nghiệp về phát triển KCHHTM bán buôn, kết cấu hạ tầng thương mại đa chức năng, phục vụ xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại. Hơn nữa, chính quyền địa phương nên đánh giá đầy đủ về ảnh hưởng của chính sách hiện tại đến sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn khi điều chỉnh chính sách.

Thứ hai, chính sách loại hình làm rõ sự ưu tiên về loại hình cần đầu tư tại nông thôn Đồng bằng sông Hồng, theo đó loại hình kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ như siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi là loại hình quan trọng song hành với tăng trưởng chậm lại của chợ truyền thống. Những loại hình kết cấu hạ tầng hiện đại này là tiêu chí không thể thiếu hướng tới nông thôn mới nâng cao, hiện đại. Điểm quan trọng khác, quy định loại hình bán buôn đặc thù ở nông thôn như sàn giao dịch nông sản phẩm là loại hình có vai trò kết nối thương mại nông thôn, thành thị. Hơn nữa, tăng trưởng kinh tế nông thôn không thể thiếu việc ưu tiên chính sách phát triển kết cấu hạ tầng xuất-nhập khẩu và kết cấu hạ tầng xúc tiến thương mại nông thôn.

Thứ ba, chính sách vốn tập trung khuyến khích phát triển hợp tác công tư trong đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, kết cấu hạ tầng xuất-nhập khẩu và kết cấu hạ tầng xúc tiến thương mại. Đối với kết cấu hạ tầng thương mại bán lẻ như siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, Nhà nước coi trọng huy động vốn tư nhân theo hình thức đầu tư kinh doanh thương mại với ưu đãi giảm thuế thu nhập, giảm tiền thuê đất, hỗ trợ về chi phí tiếp cận dịch vụ viễn thông để phát triển thương mại điện tử.

Khuyến nghị khác về chính sách đất đai là công cụ hỗ trợ cho chính sách loại hình và vốn phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn. Theo đó, ưu tiên quy hoạch đất cho xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, kết cấu hạ tầng xuất-nhập khẩu và kết cấu hạ tầng xúc tiến thương mại nông thôn; quy định thủ tục tối giản để các nhà đầu tư tiếp cận đất đai đầu tư kết cấu hạ tầng.

Cuối cùng, nghiên cứu, ban hành văn bản pháp lý hóa nhiệm vụ đánh giá chính sách phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, đặc biệt là phát triển và khai thác các báo cáo đánh giá độc lập khách quan, minh bạch, cung cấp dữ liệu tin cậy từ các cơ quan, viện nghiên cứu nhằm tạo cơ sở cho hoàn thiện chính sách.

Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu hiện có từ các nguồn chính thống khác nhau. Tuy nhiên, các nguồn số liệu này chỉ thống nhất, đầy đủ nhất đến hết năm 2022. Số liệu chưa cập nhật được đến năm 2025 là một hạn chế của nghiên cứu. Điều này gợi ý rằng các nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này có thể tiếp tục đánh giá chính sách bằng bộ số liệu cập nhật hơn và đề xuất những hàm ý có tính thực tiễn cao nhằm phát triển kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn, phát triển thương mại và giảm nghèo nông thôn.

Tài liệu tham khảo

- ADB (2003), *Phục vụ và duy trì cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Ban Chỉ đạo trung ương các chương trình mục tiêu Quốc gia (2020), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*, Tài liệu phục vụ Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Hà Nội.
- Bộ Công Thương (2020), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện giai đoạn 2016-2020 đối với Quyết định 23/QĐ-TTG của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010- 2015 và định hướng đến 2020”*, Hà Nội.
- Bộ Công Thương (2022), *Bộ số liệu về Kết cấu hạ tầng thương mại Việt Nam*, Hà Nội.
- CAADP [Comprehensive Africa Agriculture Development Program] (2009), ‘Framework for the Improvement of Rural Infrastructure and Trade-Related Capacities for Market Access (FIMA)’, *CAADP- Pillar 2 Framework*, April 2009.
- Đoàn Thị Thu Hà (2019), ‘Hoạch định chính sách công’, trong *Chính sách công*, Nguyễn Thị Lê Thúy & Bùi Thị Hồng Việt (chủ biên), tr. 49-113, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
- Freeman, R. E. (1984), *Strategic management: A stakeholder approach*, Boston: Pitman.
- Hatton, M. J., & Schroeder, K. (2007), ‘Results-based management: friend or foe?’, *Development in Practice*, 17(3), 426-432.
- IFAD [International Fund for Agricultural Development] (2021), ‘Infrastructure at IFAD (2001–2019)’, *Evaluation Synthesis Report*, Evaluation Committee- 112th Session Rome, 19 March 2021.
- Ikelegbe, O. O (2013), ‘Rural market infrastructure and marketing in the Benin region, Nigeria’, *Geo-Studies Forum*, 6(1), 130-139.
- Kaur, M., & Kaur, J. (2022), ‘Performance score to estimate agricultural market hygiene and infrastructure’, *Journal of Agriculture and Food Research*, 9, 100332.
- Lee, S. (2022), ‘Infrastructure service assessment model based on a service quality gap model—focused on South Korea’, *Sustainability*, 14(1), 577.
- Lê Dũng (2022), *Nghịch lý chợ mới bỏ hoang, dân đổ ra đường họp chợ ở Hải Phòng*, truy cập từ <https://www.baogiaothong.vn/nglich-ly-cho-moi-bo-hoang-dan-do-ra-duong-hop-cho-o-hai-phong-192566371.htm>.
- Lê Huy Khôi (2022), ‘Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại vùng nông thôn của Việt Nam’, *Báo cáo của Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công thương, Bộ Công thương*, Hà Nội.
- Ngân hàng thế giới (1999), *Nhà nước trong thế giới đang chuyển đổi*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Chương (2023), *Nghịch lý chợ dân sinh chực ty bỏ hoang giữa thủ đô, thành nơi tụ tập hút chích của con nghiện*, truy cập từ <https://danviet.vn/nglich-ly-cho-dan-sinh-chuc-ty-bo-hoang-giua-thu-do-thanh-noi-tu-tap-hut-chich-cua-con-nghien-20230913144937262.htm>
- Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2019), ‘Tổng quan về Chính sách công’, trong *Chính sách công*, Nguyễn Thị Lê Thúy & Bùi Thị Hồng Việt (chủ biên), tr. 4-46, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Trọng Lịch (2022), *Đừng biến chợ thành nơi bỏ hoang*, truy cập từ <https://baotintuc.vn/dia-phuong/dung-bien->

cho-thanh-noi-bo-hoang-20221101085615397.htm.

- Osei-Hwedie, B. Z., & Kurantin, N. (2017), 'The Impact of Infrastructure on Growth and Development: The Case of Ghana, 1986-2016', In *Handbook of research on economic, financial, and industrial impacts on infrastructure development* (pp. 84-113), IGI Global.
- Remy, R. C. (2000), *United States government: Democracy in action*, Glencoe/McGraw-Hill.
- Tổng cục Thống kê (2016), *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*, truy cập từ <https://tdtntnts2016.gso.gov.vn>.
- Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2020*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/tong-dieu-tra-nong-thon-nong-nghiep-va-thuy-san>.
- Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê.
- Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980/QĐ về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2016.
- Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1163/QĐ-TTg về Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, ban hành ngày 13 tháng 7 năm 2021.
- Trần Việt Thảo (2015), 'Chính sách vĩ mô đối với phát triển kết cấu hạ tầng thương mại ở các đô thị lớn nước ta hiện nay', *Luận án tiến sĩ*, Trường Đại học Thương mại.
- Trung Anh. (2023), *Chợ xây xong bỏ hoang: Ai chịu trách nhiệm?*, truy cập từ <https://dangcongsan.vn/noi-hay-dung/cho-xay-xong-bo-hoang-ai-chiu-trach-nhiem-646254.html>.
- Vũ Cao Đàm (2011), *Khoa học chính sách*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
- Vũ Huy Hùng (2022), *Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại thị trường nông thôn (phần 1)*, truy cập từ <https://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/thu-c-tra-ng-va--gia-i-pha-p-phat-trien-thuong-mai-thi-truong-nong-thon--pha-n-1--4826.4050.html>.

***Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Lệ Thúy – Email: thuykhoahocquanly@neu.edu.vn**